

Số: 83 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 19 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 19/3/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường.

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa cho thấy:

- Điểm trung bình lĩnh vực:

- | | |
|--|------|
| + Đảm bảo chất lượng về chiến lược: | 3,81 |
| + Đảm bảo chất lượng về hệ thống: | 3,78 |
| + Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: | 3,82 |
| + Kết quả hoạt động: | 3,83 |

- Không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình $\leq 2,0$

(chi tiết trong Phụ lục 1).

2. Kiến nghị Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng công nhận và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa theo quy định hiện hành.



TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD

Chủ tịch



Trần Đình Quang

PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

(Kèm theo Nghị quyết số 83/NQ-HĐKĐCLV ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Lĩnh vực 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,81
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	3,80
Tiêu chuẩn 2: Quản trị	3,75
Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý	3,75
Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	4,00
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	3,75
Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực	3,86
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	3,60
Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	4,00
Lĩnh vực 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3,78
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	4,00
Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài	3,75
Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	3,75
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng	3,60
Lĩnh vực 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,82
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học	3,80
Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	3,80
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	3,80
Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học	3,75
Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	3,75
Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học	3,75
Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ	3,75
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	4,00
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng	4,00
Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	3,83
Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo	4,00
Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học	3,83
Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng	4,00
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường	3,50



PHỤ LỤC 2

Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục

đối với Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

(Kèm theo Nghị quyết số 83/NQ-HĐKĐCLV ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa giai đoạn 2016-2021 cho thấy, Nhà trường đã có những điểm mạnh đáng ghi nhận sau:

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng chiến lược*, Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường được xác định rõ ràng theo với chức năng, nhiệm vụ và Chiến lược phát triển của Trường, được rà soát và điều chỉnh phù hợp với chiến lược phát triển các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch của tỉnh Thanh Hóa và cả nước; cơ cấu tổ chức của Trường phù hợp với quy định, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường được quy định rõ ràng, được định kỳ rà soát; Nhà trường có hệ thống văn bản quản lý và hệ thống xây dựng chính sách, giám sát và cải tiến các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; công tác tổ chức-cán bộ với quy định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cùng với các chế độ chính sách, đánh giá cán bộ rõ ràng; công tác môi trường, y tế học đường, an toàn an ninh trường học được đảm bảo; mạng lưới đối tác và quan hệ đối ngoại của Nhà trường được quan tâm.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về hệ thống*, đơn vị đầu mối về công tác bảo đảm chất lượng của Nhà trường hoạt động hiệu quả; đội ngũ cán bộ làm công tác bảo đảm chất lượng được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp; kế hoạch chiến lược được cụ thể trong kế hoạch các năm học về bảo đảm chất lượng cùng hệ thống văn bản và các bộ chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả về bảo đảm chất lượng bên trong; hoạt động tự đánh giá được quan tâm; hệ thống văn bản, dữ liệu, thông tin được lưu trữ, quản lý và truyền tải trên nền tảng công nghệ thông tin, được rà soát và điều chỉnh hằng năm; các chính sách chất lượng được ban hành phù hợp cho từng giai đoạn; các quy định về lựa chọn đối tác, quy trình lựa chọn, sử dụng thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng được xây dựng và bước đầu áp dụng.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*, các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh, hình thức thi tuyển, xét tuyển của Nhà trường được xác định rõ ràng, thực hiện đúng quy định; kết quả đánh giá công tác tuyển sinh và nhập học được sử dụng làm


i

căn cứ cải tiến công tác tuyển sinh; các chương trình đào tạo được xây dựng và phát triển đúng quy định; việc đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá được chú trọng; công tác kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo quy định/quy trình ban hành, kết quả đánh giá người học được quản lý và giám sát; người học được tạo môi trường học tập, rèn luyện, được hỗ trợ trong học tập và tìm kiếm việc làm; các hoạt động khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ, kết nối và phục vụ cộng đồng được xác lập và thực hiện hàng năm.

+ Đối với lĩnh vực *Kết quả hoạt động*, các chỉ số về chất lượng người học và cựu người học của Nhà trường được đối sánh để cải tiến hoạt động đào tạo; chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ được xác lập, giám sát; hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng có đóng góp cho xã hội; các chỉ số tài chính và chỉ số thị trường được xác lập, triển khai và điều chỉnh hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm cần cải tiến, nâng cao chất lượng (*chi tiết được nêu trong Báo cáo Đánh giá ngoài*). Hội đồng kiến nghị Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến liên tục chất lượng theo những nhóm giải pháp trong các lĩnh vực sau:

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về chiến lược*

1. Cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh Tầm nhìn, Sứ mạng phù hợp với xu thế phát triển kinh tế-xã hội tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0 và thể hiện tính đặc thù của Nhà trường, tập trung phát huy giá trị văn hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; trong quá trình rà soát và điều chỉnh, cần có sự tham gia đầy đủ, hiệu quả của các bên liên quan; cần xây dựng những giải pháp triển khai đồng bộ, khả thi để truyền tải được yêu cầu của Sứ mạng, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi vào trong các hoạt động của Nhà trường;

2. Hệ thống văn bản tổ chức, quản trị cần được rà soát, điều chỉnh kịp thời phù hợp với các thay đổi trong cơ cấu tổ chức và quản trị của Nhà trường, chú trọng đến những giải pháp cụ thể giảm thiểu rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động; cần đảm bảo các nghị quyết/quyết định/kết luận của hệ thống quản trị được chuyển tải thành các chính sách, kế hoạch hành động cụ thể, có chú ý đến các nguồn lực, điều kiện, thời gian thực hiện và các giải pháp hạn chế rủi ro trong các hoạt động; cần quan tâm hơn nữa đến công tác bồi dưỡng năng lực quản trị và quản lý cho nhân sự trong cơ quan quản trị của Nhà trường;

3. Cần sớm thành lập tổ chức pháp chế hoặc bố trí cán bộ chuyên trách được đào tạo làm công tác pháp chế; cần đổi mới hoạt động kết nối, tăng cường sự tham gia của các bên liên quan vào các hoạt động của Nhà trường; cần định kỳ tổ chức rà soát và có

các báo cáo riêng rà soát các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý; cần có chiến lược thúc đẩy tiến trình đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của Nhà trường;

4. Cần có quy định và hướng dẫn cụ thể xây dựng Kế hoạch chiến lược trong từng lĩnh vực hoạt động; các kế hoạch ngắn hạn/kế hoạch năm học được xây dựng cần bám sát chỉ tiêu chiến lược của từng giai đoạn phát triển của Nhà trường; cần xác định rõ ràng hơn các chỉ tiêu phấn đấu để đảm bảo tính khả thi cao hơn; cần phân tích, đánh giá mức độ đạt được của các chỉ tiêu kế hoạch, tham khảo ý kiến đầy đủ các bên liên quan để có căn cứ điều chỉnh Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn tiếp theo; cần xác định và lựa chọn các công cụ, biện pháp quản trị phù hợp, khả thi, dễ đo lường, đánh giá;

5. Cần rà soát tổng thể hệ thống văn bản, chính sách, các quy định và quy trình thực thi và giám sát công việc đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Trường; cần định kỳ phân tích kết quả thực hiện các chính sách đã ban hành để đánh giá hiệu quả, tác động của các chính sách đó đến sự phát triển của Nhà trường, đo lường được lợi ích và sự đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan; cần xây dựng các chính sách và giải pháp đột phá, có tính khả thi để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu thực hiện Sứ mạng, Tầm nhìn của Nhà trường và nhu cầu của xã hội;

6. Cần rà soát, điều chỉnh quy định tuyển dụng, sử dụng lao động và quy hoạch nguồn nhân lực phù hợp với các quy định hiện hành; cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên; cần xây dựng và thực thi các chính sách thu hút cán bộ trình độ cao bổ sung cho đội ngũ cán bộ của Nhà trường; cần xây dựng quy trình và tiêu chí cụ thể để đánh giá năng lực cũng như mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với từng loại đối tượng lao động theo từng vị trí công tác;

7. Cần nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị công nghệ thông tin, từng bước ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động của Nhà trường; cần xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về công tác tài chính cùng các giải pháp cụ thể để thực hiện Chiến lược phát triển; cần tăng chi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp, đúng quy định;

8. Cần xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được Tầm nhìn, Sứ mạng và các mục tiêu phát triển của Nhà trường; cần ban hành các chính sách thúc đẩy và phát triển quan hệ hợp tác, khuyến khích các

đơn vị, cá nhân chủ động tham gia; cần xác định rõ các tiêu chí lựa chọn đối tác/đối tác chiến lược phù hợp để phát triển; cần hoàn thiện quy trình, quy định và công cụ rà soát, đánh giá các chỉ số trong công tác đối ngoại;

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về hệ thống*

9. Cần hoàn thiện các chính sách, quy định, công cụ, hướng dẫn về công tác bảo đảm chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong; các kế hoạch bảo đảm chất lượng cần được triển khai đồng bộ và phù hợp trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; cần định kỳ/thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính để đề xuất các giải pháp thực hiện cải tiến phù hợp;

10. Cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc cải tiến chất lượng sau khi kết thúc công tác đánh giá ngoài cơ sở giáo dục; cần tiếp tục rà soát các lĩnh vực công tác, xây dựng kế hoạch hành động phù hợp, có ưu tiên cho các hoạt động được (tự) đánh giá ở mức thấp; cần xây dựng kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài các chương trình đào tạo; cần có giải pháp để các bên liên quan được tham gia hiệu quả trong xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng;

11. Cần có quy hoạch tổng thể việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng bên trong, đảm bảo tính toàn diện, thống nhất, bảo mật an toàn nhằm hỗ trợ kịp thời, hiệu quả trong công việc; cần chú trọng khảo sát ý kiến và sử dụng phản hồi của các bên liên quan để cải tiến hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng bên trong; tính hiệu quả cải tiến cần được phân tích, đánh giá đầy đủ và sử dụng để hỗ trợ các hoạt động của Trường.

12. Cần sớm xây dựng và thực hiện Kế hoạch nâng cao chất lượng theo từng lĩnh vực hoạt động/đơn vị công tác cụ thể; cần rà soát, điều chỉnh các tiêu chí và quy trình lựa chọn đối tác, thông tin so chuẩn và đối sánh, chú ý tham chiếu các cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo trong và ngoài nước tương thích với Nhà trường; cần chú trọng xây dựng các kế hoạch và giải pháp khuyến khích các đơn vị/cá nhân đổi mới, sáng tạo trong các hoạt động bảo đảm chất lượng của Trường.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*

13. Cần đa dạng các phương thức truyền thông để hỗ trợ hiệu quả công tác tuyển sinh; cần tăng cường phân tích và đánh giá nhu cầu xã hội, cần đánh giá số lượng và chất lượng sinh viên nhập học, đẩy mạnh việc lấy ý kiến của các bên liên quan để có những điều chỉnh trong chiến lược, chính sách và phương thức tuyển sinh phù hợp với từng

ngành nghề đào tạo; cần tăng cường quảng bá tuyển sinh gắn với các hoạt động ngày hội việc làm, sáng tạo, khởi nghiệp... để thu hút người học, có chú ý đến sinh viên quốc tế.

14. Cần hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định và phê duyệt chuẩn đầu ra và các chương trình đào tạo; trong xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, cần chú trọng đối sánh các chương trình đào tạo tương ứng của các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước; cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả chương trình đào tạo và hệ thống đề cương chi tiết của các học phần, chú ý đến hình thức thể hiện trên các ứng dụng điện tử, điện thoại thông minh, để các bên liên quan dễ dàng nắm bắt, sử dụng;

15. Cần có kế hoạch triển khai đồng bộ triết lý giáo dục trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; cần ban hành quy định/hướng dẫn chi tiết về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục, phù hợp với mục tiêu đạt được chuẩn đầu ra; cần tăng cường các sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, ứng dụng công nghệ trong dạy học...; cần quan tâm đầu tư xây dựng môi trường học tập trực tuyến; cần tăng cường lắng ý kiến của người học và cựu người học và sử dụng các ý kiến phản hồi nhằm cải tiến liên tục các điều kiện bảo đảm chất lượng của Nhà trường;

16. Cần rà soát các quy định về công tác thi, kiểm tra đánh giá, và phản hồi thông tin về kết quả học tập của người học; cần đa dạng hóa các phương thức kiểm tra, đánh giá người học, đảm bảo đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra; cần định kỳ phân tích kết quả học tập của người học để làm căn cứ cải tiến nâng cao chất lượng công tác thi, kiểm tra, đánh giá; cần chú trọng phân tích dữ liệu kết quả kiểm tra đánh giá, đồng thời định kỳ khảo sát ý kiến các bên liên quan để có cơ sở điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, các hoạt động dạy-học, kiểm tra đánh giá và hỗ trợ người học;

17. Cần sớm hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ; cần xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ người học xuyên suốt quá trình học tập; cần tăng cường các hoạt động chuyên môn, chú trọng chất lượng thực hành, thực tập nghề nghiệp, chú trọng hỗ trợ người học khởi nghiệp; cần xây dựng và định kỳ đánh giá hiệu quả của hệ thống cơ sở dữ liệu về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học để cải tiến chất lượng;

18. Cần định kỳ rà soát, cập nhật hệ thống văn bản về hoạt động khoa học công nghệ; cần định kỳ đánh giá các chỉ số thực hiện trong Chiến lược và kế hoạch nghiên cứu khoa học hằng năm để điều chỉnh phù hợp; cần có cơ chế, chính sách thúc đẩy nghiên cứu

cứu khoa học trong cán bộ, giảng viên và người học; cần đa dạng hóa việc tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ và thúc đẩy nghiên cứu, hướng tới hoạt động chuyển giao công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn;

19. Cần xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản liên quan đến công tác quản lý và bảo hộ tài sản trí tuệ; cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến về công tác sở hữu trí tuệ, chú trọng hỗ trợ cán bộ, giảng viên và người học thực hiện đúng Luật Sở hữu trí tuệ và bảo hộ quyền tác giả; cần có chiến lược gia tăng số lượng và chất lượng sản phẩm trí tuệ trên các lĩnh vực có thế mạnh và tiềm năng của Trường; cần chú trọng ghi nhận, lưu trữ tài sản trí tuệ, đẩy mạnh hỗ trợ và thực hiện việc đăng ký sở hữu trí tuệ cho cán bộ, giảng viên của Trường đúng quy định;

20. Cần rà soát, điều chỉnh Chiến lược về hợp tác quốc tế của Trường nhằm tăng số lượng và hình thức hợp tác; cần tích cực tìm kiếm đối tác, phát triển mạng lưới hợp tác trong đào tạo (trao đổi sinh viên), nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; cần khuyến khích cán bộ, giảng viên chủ động trao đổi học thuật và tìm kiếm đối tác; cần định kỳ đánh giá hiệu quả hợp tác để có các chính sách, giải pháp gia tăng đối tác và hợp tác nghiên cứu phù hợp;

21. Cần phổ biến rộng rãi để các bên liên quan hiểu đúng và đầy đủ về phục vụ cộng đồng, các loại hình kết nối và phục vụ cộng đồng mà Nhà trường đang thực hiện; cần rà soát các chỉ số, chỉ báo đo lường kết quả và tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; cần có chiến lược tăng cường các dịch vụ phục vụ cộng đồng trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; cần chú trọng đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học có kết quả hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng tốt; cần tăng cường sử dụng các chỉ số đo lường phản hồi từ các bên liên quan để định kỳ rà soát, đánh giá và cải tiến;

+ Đối với lĩnh vực *Kết quả hoạt động*

22. Cần phân tích và đối sánh số liệu giữa các năm học để cải tiến hoạt động hỗ trợ người học, gia tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp sớm và đúng hạn, gia tăng tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp; cần có giải pháp nâng cao chất lượng thông tin thu thập, phản hồi để đánh giá đúng mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học tốt nghiệp; cần chú trọng thực hiện đối sánh để cải tiến chất lượng từng ngành đào tạo của Trường;

23. Cần rà soát tổng thể các quy định về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học để điều chỉnh, bổ sung phù hợp; cần có

quy định, hướng dẫn cụ thể về phân bổ kinh phí để gia tăng số lượng và chất lượng các loại hoạt động nghiên cứu, chú ý sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và người học đúng quy định; cần có cơ chế, chính sách và giải pháp thúc đẩy công bố khoa học, chú trọng công bố quốc tế; cần khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, giảng viên đăng ký bản quyền tài sản trí tuệ; cần khuyến khích và hỗ trợ người học tham gia các câu lạc bộ chuyên môn, khởi nghiệp sáng tạo; cần quan tâm hoạt động thương mại hóa, chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực nghiên cứu có thế mạnh của Nhà trường;

24. Cần hoàn thiện hệ thống văn bản quy định cụ thể hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, chú ý những chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên và người học tham gia hiệu quả các hoạt động; cần gia tăng số lượng và chất lượng các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng gắn kết với quảng bá hình ảnh, thương hiệu Nhà trường; cần xây dựng hệ thống dữ liệu về kết quả và tác động xã hội của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, sự hài lòng và lợi ích của các bên liên quan.

25. Cần hoàn thiện và ban hành bộ chỉ báo và các chỉ tiêu phân đầu về hiệu quả tài chính; cần tăng cường việc đối sánh các chỉ số tài chính qua các năm để có những điều chỉnh phù hợp, có chú ý lựa chọn đối tác ngoài trường để đối sánh trong hoạt động tài chính của Nhà trường; cần có quy định cụ thể về thị trường giáo dục của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; cần xây dựng hệ thống dữ liệu về chỉ số tài chính, chỉ số thị trường nhằm tăng cường công tác đảm bảo chất lượng của Nhà trường.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 09/2024), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.
